

Số: 4207531

**FUSO CANTER TF4.9 - Thùng lửng  
- Tôn đen**

**TOWNER V2.5-5S**

**Giá niêm yết:**

**615.100.000đ**

**305.000.000đ**

**KÍCH THƯỚC:**

Kích thước tổng thể(DxRxC)

6.120 x 1.890 x 2.220 mm

4.200 x 1.690 x 2.000 mm

Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)

4.440 x 1.750 x 480 mm (3,73 m<sup>3</sup>)

1.440 x 1.505 x 1.340 mm (~2,9 m<sup>3</sup>)

Chiều dài cơ sở

3.400 mm

2.700 mm

Vết bánh xe trước/sau

1.390/1.435 mm

1.450 / 1.455 mm

**KHỐI LƯỢNG:**

Khối lượng bản thân

2.595 kg

1.190 kg

Khối lượng chở cho phép

2.200 kg

945 kg

Khối lượng toàn bộ

4.990 kg

2.460 kg

Số chỗ ngồi

3 chỗ

5 chỗ

**ĐỘNG CƠ:**

Tên động cơ

Mitsubishi 4P10 - KAT2

DONGFENG DK13C

Loại động cơ

Diesel, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước, làm mát khí nạp, phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)

Xăng, 4 kỳ, 4 xy lanh thẳng hàng

Dung tích xi lanh

2.998 cc

1.293 cc

Công suất cực đại/ tốc độ quay

130/3.500 Ps/(vòng/phút)

93 / 6.000 Ps/(vòng/phút)

Mô men xoắn/ tốc độ quay

300/1.300 N.m/(vòng/phút)

125 / 4.000 - 4.800 N.m/(vòng/phút)

**TRUYỀN ĐỘNG:**

Ly hợp

01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực

Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không

Hộp số

Mitsubishi M038S5, cơ khí, 5 số tiến, 1 số lùi

MR513, 5 số tiến, 1 số lùi

Tỷ số truyền

ih1= 5,494; ih2=3,193; ih3=1,689; ih4=1,000; ih5=0,723; iR=5,494

ih1=3,769; ih2=2,175; ih3=1,339; ih4=1,000; ih5 =0,808; iR=4,128

**HỆ THỐNG PHANH:**

Hệ thống phanh

Phanh đĩa, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không. Trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS và hệ thống phân bố lực phanh điện tử EBD

Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD

**HỆ THỐNG TREO:**

Trước

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực

Sau

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

**LỐP XE:**

Trước/Sau

7.00R16 / Dual 7.00R16

175/70R14

**ĐẶC TÍNH:**

Khả năng leo dốc

44,4 %

≥ 20%

Bán kính quay vòng nhỏ nhất

6,76 m

5,75 m

Tốc độ tối đa

116 km/h

120 km/h

Dung tích thùng nhiên liệu

100 lít

43 lít

**HỆ THỐNG LÁI:**

Hệ thống lái

Trục vít - ê cu bi; Dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực

Bánh răng - Thanh răng, cơ khí, trợ lực điện